

Tác động của thể chế quản trị cấp tỉnh đến thu hút vốn đầu tư tại Đồng bằng sông Cửu Long

Lê Xuân Thái*

Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

TỪ KHÓA

Thể chế, PAPI, PCI,
Vốn đầu tư, GRDP.

TÓM TẮT

Thể chế có vai trò tạo ra sự thay đổi trong các hoạt động kinh tế, tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, hấp dẫn dòng vốn đến đầu tư để phát triển kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi. Nghiên cứu phân tích tác động của thể chế quản trị cấp tỉnh thông qua chỉ số PAPI và PCI đến thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long. Dữ liệu phân tích được tổng hợp từ báo cáo của Tổng Cục Thống kê Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2021. Kết quả ước lượng bằng mô hình hồi quy bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (FGLS) kết luận chỉ số PAPI, tổng thu nhập tại địa phương (GRDP) có tác động dương đến thu hút vốn đầu tư; trong khi chỉ số PCI có tác động ngược lại. Vốn đầu tư công, nguồn cung lao động không có ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư.

1. Giới thiệu

Thu hút vốn đầu tư vào sản xuất là một yếu tố quan trọng có tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước trên thế giới. Tại các quốc gia đang phát triển, nhu cầu vốn đầu tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng không ngừng tăng lên nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Cảnh và cộng sự (2018) kết luận vốn đầu tư của khu vực tư nhân có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Hồ Thủy Tiên (2023) kết luận chi tiêu đầu tư công không thúc đẩy đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, các cơ quan quản lý cần nâng cao hiệu quả thể chế kinh tế: điều hành các dự án công với sự tham gia của doanh nghiệp ngoài nhà nước; cải thiện môi trường thể chế kinh tế để thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân phát triển và đầu tư công nghệ mới làm tăng năng suất và thu nhập xã hội. Phạm Thế Anh và Chu Thị Mai Phương (2015) kết luận môi trường thể chế có

tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các kết quả nghiên cứu này khẳng định cần có sự cải thiện chất lượng môi trường kinh doanh để nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp tại Việt Nam. Hệ thống pháp luật về đầu tư tại Việt Nam có những tồn tại như triển khai thiếu đồng bộ, thiếu cơ chế giám sát, chính sách chậm sửa đổi, và quản lý đầu tư ở một số địa phương kém hiệu quả. Nghiên cứu của Le và Duy (2021) kết luận chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có tác động tích cực đến thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp ở vùng khó khăn như Tây Nguyên. Do đó, các địa phương cần cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian chờ đợi và các chi phí không chính thức của doanh nghiệp để thu hút vốn đầu tư.

Trong bài nghiên cứu này, tác giả tập trung phân tích tác động của môi trường thể chế kinh tế cấp tỉnh tại ĐBSCL đến thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp. Nhóm yếu tố thể chế kinh tế gồm chỉ số hiệu quả quản

*Tác giả liên hệ. Email: lxthai@ctu.edu.vn

<https://doi.org/10.61602/jdi.2025.82.01>

Ngày nộp bài: 21/8/2024; Ngày chỉnh sửa: 06/01/2025; Ngày duyệt đăng: 18/01/2025; Ngày online: 18/4/2025

ISSN (print): 1859-428X, ISSN (online): 2815-6234

trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); vốn đầu tư phát triển kinh tế địa phương (đầu tư công), tổng thu nhập tại địa phương (GRDP), nguồn lao động là các biến độc lập ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư tại địa phương.

2. Tổng quan nghiên cứu và mô hình nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu liên quan

Nghiên cứu phân tích dựa trên nền tảng của lý thuyết chiết trung, lý thuyết địa lý kinh tế và lý thuyết chất lượng dịch vụ của môi trường đầu tư.

Thế chế kinh tế là hệ thống quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế. Nền kinh tế Việt nam vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các hoạt động kinh tế của các chủ thể chịu sự tác động của các quy luật kinh tế của thị trường, đồng thời chịu sự điều tiết can thiệp của nhà nước thông qua hệ thống pháp luật và chính sách kinh tế (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Thế chế kinh tế đóng một vai trò quan trọng trong kiến tạo nền kinh tế, hạn chế những khuyết tật của tiến trình phát triển xã hội; kiểm soát các nguồn lực trong xã hội; đảm bảo các chủ thể kinh tế thực hiện được các quyền và nghĩa vụ.

Lý thuyết chiết trung: Theo Dunning (1977) ba điều kiện cần thiết để một doanh nghiệp có động cơ thực hiện đầu tư là sở hữu loại tài sản tại địa phương cho phép công ty có được lợi thế cạnh tranh so với đối thủ có sẵn tại địa phương; lợi thế địa điểm cho phép giảm chi phí, quy mô thị trường đủ lớn, môi trường pháp lý - chính trị tại địa phương thuận lợi cho doanh nghiệp; sự nội bộ hóa cao cho phép công ty khai thác đầy đủ các lợi thế sở hữu và lợi thế địa điểm. Lý thuyết này giải thích động cơ của doanh nghiệp khi tìm kiếm cơ hội đầu tư là tìm kiếm tài nguyên thiên nhiên, tìm

kiếm thị trường và tìm kiếm hiệu quả.

Lý thuyết địa lý kinh tế: Mô hình lý thuyết địa lý kinh tế do Krugman (1991) đề xuất xem xét ba hiệu ứng: tiếp cận thị trường, chi phí sinh hoạt, và thị trường đồng đúc (vùng có ít đối thủ cạnh tranh). Lý thuyết cho biết động lực lựa chọn không gian hoạt động của các công ty tại địa phương. Những đặc điểm như yếu tố địa lý và địa điểm có ý nghĩa quan trọng đối với việc cạnh tranh của công ty trên thị trường.

Lý thuyết về chất lượng dịch vụ của môi trường đầu tư: Môi trường đầu tư tại các địa phương là một yếu tố quan trọng cần đánh giá khi thực hiện đầu tư, là một yếu tố thể hiện lợi thế cạnh tranh giữa các địa phương. Theo Parasuraman và cộng sự (1988), năm thành phần quan trọng có ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ của môi trường đầu tư là yếu tố tin cậy, khả năng đáp ứng, năng lực phục vụ, sự đồng cảm và các phương tiện hữu hình. Năng lực của chính quyền địa phương, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư, triết lý quản trị thể chế của nhà quản lý địa phương đều có tác động đến chất lượng dịch vụ của môi trường đầu tư.

Nghiên cứu của Vương Đức Hoàng Quân (2014) kết luận cần thận trọng khi xem xét ảnh hưởng của chỉ số PCI đến phát triển của doanh nghiệp địa phương, kinh tế địa phương. Nghiên cứu của Hà Văn Dũng (2016) kết luận các yếu tố hỗ trợ doanh nghiệp, tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, chi phí không chính thức có tác động thúc đẩy tăng trưởng quy mô vốn của doanh nghiệp. Phân tích tác động của thể chế kinh tế, Nguyễn Ngọc Anh (2015), Chu Thị Mai Phương và cộng sự (2016), Lê Thị Thu Diễm và Cảnh Chí Hoàng (2023) kết luận chất lượng thể chế có tác động tích cực đến thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp.

Đã có một số nghiên cứu về ảnh hưởng của thể chế kinh tế đến thu hút nguồn vốn đầu tư tại Việt Nam và thế giới (Bảng 1); nhưng tác động của chỉ số PAPI đến thu hút vốn đầu tư tại ĐBSCL là chưa từng được khảo sát. Xuất phát từ khe hở nghiên cứu trên, nghiên cứu

Bảng 1. Một số nghiên cứu tác động của thể chế đến thu hút vốn đầu tư

Tác giả	Nghiên cứu	Biến độc lập có ý nghĩa
Nguyễn Ngọc Anh (2015)	Yếu tố ảnh hưởng đến đến ý định của nhà đầu tư nước ngoài tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	Thể chế, lao động, môi trường quốc tế, thị trường, cơ sở hạ tầng, tài nguyên, công nghiệp hỗ trợ
Chu Thị Mai Phương và cộng sự (2016)	Vai trò của thể chế đối với đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 – 2014.	Thể chế môi trường kinh doanh
Trần Cương và Phạm Duy Anh (2021)	Tác động của hiệu quả quản trị nhà nước đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các quốc gia Đông Nam Á	Chất lượng thể chế
Huỳnh Thị Diệu Linh (2022)	Chất lượng thể chế và lựa chọn địa điểm đầu tư của các doanh nghiệp đa quốc gia-Bảng chứng tại Việt Nam	Chất lượng thể chế: kiểm soát tham nhũng, chất lượng luật pháp, ổn định chính trị.
Zaric (2022)	Determinants of foreign direct investment in Central and Eastern Europe: panel data analysis results	Chất lượng thể chế, lao động, thị trường, cơ sở hạ tầng.
Faruq (2023)	The Determinants of Foreign Direct Investment: A Panel Data Analysis for the Emerging Asian Economies	Thể chế và ổn định chính trị

phân tích tác động của môi trường thể chế cấp tỉnh tại vùng ĐBSCL đến việc thu hút nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp tại địa phương. Nghiên cứu có hạn chế về khoảng thời gian khảo sát từ năm 2016 đến năm 2021 do nguồn dữ liệu công bố chưa đầy đủ.

Chất lượng thể chế kinh tế yếu kém làm tăng tính không chắc chắn của hiệu quả đầu tư do thực thi pháp luật yếu, môi trường kinh doanh thiếu bình đẳng và ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp. Nghiên cứu của Trần Cương và Phạm Duy Anh (2021) cho biết hiệu quả quản lý của chính quyền có tác động đến thu hút vốn đầu tư tại các nước Đông Nam Á. Sự thuận lợi trong dịch vụ hành chính công cũng là một đặc điểm quan trọng của môi trường đầu tư tại địa phương (Trần Văn Hòa và cộng sự, 2021). Trong nghiên cứu này, ảnh hưởng của PCI và PAPI được xét như là hai yếu tố thể chế kinh tế ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư tại địa phương. Giả thuyết nghiên cứu đề xuất là chất lượng thể chế kinh tế có tác động cùng chiều với việc thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp tại địa phương.

2.2. Mô hình nghiên cứu

Mô hình hồi quy các yếu tố tác động đến thu hút vốn đầu tư tại ĐBSCL như sau:

$$\ln(\text{VON})_{it} = \beta_0 + \beta_1 \text{PAPI}_{it} + \beta_2 \text{PCI}_{it} + \beta_3 \ln(\text{ĐTPT})_{it} + \beta_4 \ln(\text{GRDP})_{it} + \beta_5 \ln(\text{DS})_{it} + \beta_6 \ln(\text{LD})_{it}$$

Ảnh hưởng của các biến độc lập

* *Quy mô thị trường*: Phân tích các yếu tố kinh tế ảnh hưởng đến môi trường hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, Đặng Văn Cường (2021) chỉ ra rằng các biến số kinh tế vĩ mô cấp tỉnh như GRDP, vốn đầu tư công, dân số có ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư vào địa phương. Anh (2016) kết luận thị trường tiềm năng, quy mô thị trường, chất lượng của chính quyền địa phương có ảnh hưởng đến thu hút vốn FDI. Giả thuyết nghiên cứu được đề xuất là quy mô thị trường với biến đại diện là GRDP, dân số có tác động cùng chiều với việc thu hút vốn đầu tư tại địa phương.

* *Đầu tư công*: Nghiên cứu của Nguyễn Thị Cành

và cộng sự (2018) kết luận đầu tư công có hiệu quả tích cực trong thúc đẩy đầu tư tư nhân và làm tăng trưởng GDP trong dài hạn. Hồ Thủy Tiên (2023) kết luận đầu tư công và đầu tư tư nhân có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, nhưng tương tác nghịch chiều nhau do hiệu ứng chèn lấn. Đặng Văn Cường (2021) kết luận nguồn vốn đầu tư công có tác động kích thích nhiều nguồn vốn khác tham gia vào quá trình phát triển kinh tế xã hội. Giả thuyết nghiên cứu đề xuất là đầu tư công phát triển kinh tế tại địa phương có tác động cùng chiều đến thu hút vốn đầu tư tại địa phương.

* *Nguồn vốn nhân lực*: Nhiều nghiên cứu kết luận nguồn nhân lực tại địa phương có ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của doanh nghiệp (Trần Văn Hòa & cộng sự, 2021; Le & Duy, 2021), và là một điểm yếu trong thu hút vốn đầu tư tại vùng ĐBSCL. Giả thuyết nghiên cứu được đề xuất là nguồn vốn nhân lực có tác động cùng chiều với việc thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp tại địa phương.

3. Phương pháp và dữ liệu phân tích

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng chủ yếu phương pháp phân tích định lượng với dữ liệu bảng gộp cân bằng. Nguồn dữ liệu phân tích từ báo cáo hàng năm của Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO), Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Trung tâm Nghiên cứu Phát triển - Hỗ trợ Cộng đồng thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học – Kỹ thuật Việt Nam và UNDP trong giai đoạn 2016 – 2021. Tổng cộng có 78 quan sát của các địa phương, tỉnh, thành phố trong 6 năm tại vùng đồng bằng sông Cửu Long. Các chỉ tiêu được khảo sát là chỉ số PAPI, chỉ số PCI, tổng vốn đầu tư tại địa phương, vốn đầu tư phát triển kinh tế địa phương (đầu tư công), GRDP, quy mô dân số, quy mô lao động. Nghiên cứu chọn thời điểm phân tích từ năm 2016 đến năm 2021 do dữ liệu của năm 2022 được công bố chưa đầy đủ (các dữ liệu công bố có thể lấy từ GSO).

Kết quả nghiên cứu được phân tích bằng phần mềm Stata 14.0. Phương pháp hồi quy dữ liệu bảng gộp được sử dụng trong mô hình kinh tế lượng. Các

Bảng 2. Mô tả các biến sử dụng trong nghiên cứu

Biến phân tích	Ký hiệu	Chiều tác động	Nghiên cứu trước
Tổng vốn đầu tư /địa phương (tỷ đồng)	ln(VON)		Nguyễn Quốc Việt và cộng sự (2014)
Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh	PAPI	(+)	Trần Cương và Phạm Duy Anh (2021); Nguyễn Cao Chương và cộng sự (2024)
Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh	PCI	(+/-)	Nguyễn Quốc Việt và cộng sự (2014), Nguyễn Cao Chương và cộng sự (2024)
Vốn đầu tư phát triển kinh tế /địa phương (tỷ đồng)	ln(ĐTPT)	(+/-)	Nguyễn Thị Cành và cộng sự (2018), Hồ Thủy Tiên (2023)
Tổng sản phẩm trên địa bàn (tỷ đồng)	ln(GRDP)	(+)	Đặng Văn Cường (2021)
Quy mô dân số (nghìn người)	ln(DS)	(+)	Đặng Văn Cường (2021)
Nguồn cung lao động từ 15 tuổi (nghìn người)	ln(LD)	(+)	Trần Văn Hòa và cộng sự (2021)

ước lượng hồi quy gồm có phương pháp hồi quy theo các yếu tố ảnh hưởng ngẫu nhiên (REM), phương pháp hồi quy theo các yếu tố ảnh hưởng cố định (FEM) và phương pháp hồi quy theo bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (FGLS). Tác giả trước tiên sử dụng phương pháp hồi quy theo các yếu tố ảnh hưởng ngẫu nhiên (REM), phương pháp hồi quy theo các yếu tố ảnh hưởng cố định (FEM) để đo lường ảnh hưởng của số biến khảo sát, kiểm định Hausman được sử dụng để lựa chọn mô hình tốt nhất. Kiểm định dấu hiệu phương sai sai số thay đổi bằng kiểm định Wald và hiện tượng tự tương quan với kiểm định Wooldridge để xác định, loại bỏ các nhiễu trong mô hình hồi quy, và dùng phương pháp ước lượng bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (FGLS) để khắc phục các ảnh hưởng này.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả phân tích thống kê mô tả và tương quan

Kết quả phân tích thống kê mô tả tại Bảng 3 cho thấy chỉ số PCI trung bình của vùng là 63,97; chỉ số PAPI trung bình là 40,77; vốn đầu tư /địa phương trung bình tại các tỉnh đo bằng giá trị logarit của vốn là 30,30; GRDP trung bình của vùng đo bằng giá trị logarit của GRDP là 31,77; dân số trung bình tại các tỉnh đo bằng giá trị logarit là 14,08; số lượng lao động trung bình của các tỉnh đo bằng giá trị logarit là 13,51; tỷ lệ lao động qua đào tạo bình quân là 13,34%.

Kết quả phân tích phân phối mẫu các chỉ tiêu khảo sát tại Bảng 3 cho thấy biến chỉ số PCI, ln(GRDP) tuân theo phân phối chuẩn, các biến còn lại không tuân theo phân phối chuẩn. Phân tích phân phối mẫu thông qua giá trị Skewness và Kurtosis của các biến nghiên cứu cho biết có sự biến động lớn của các chỉ tiêu nghiên cứu giữa các tỉnh, thành phố trong vùng. Đó là do đặc điểm riêng của mỗi địa phương tạo ra sự khác nhau giữa tỉnh, thành phố về các chỉ tiêu nghiên cứu. Nghiên cứu sử dụng toàn bộ dữ liệu về các địa phương trong giai đoạn nghiên cứu nên áp dụng phân tích toàn bộ mẫu quan sát. Sự biến động về giá trị của các biến khảo

sát giữa các địa phương có khả năng dẫn đến xuất hiện phương sai sai số của các biến qua các địa phương nghiên cứu thay đổi.

Kết quả phân tích tương quan tại Bảng 4 cho biết biến quy mô dân số và biến quy mô lao động có tương quan rất chặt; và biến quy mô dân số và biến quy mô lao động có tương quan chặt với GRDP. Nghiên cứu loại bỏ biến quy mô dân số khỏi mô hình ước lượng để loại trừ ảnh hưởng đa cộng tuyến. Biến vốn đầu tư phát triển kinh tế địa phương có tương quan chặt với GRDP, kết quả này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu trước của Hồ Thủy Tiên (2023) về hiệu quả kích thích của vốn đầu tư công. Biến chỉ số PAPI có tương quan chặt với vốn đầu tư phát triển kinh tế địa phương, kết quả này cho biết việc cải thiện chỉ số PAPI sẽ làm tăng dòng vốn đầu tư phát triển kinh tế địa phương và làm kinh tế địa phương tăng trưởng.

Kết quả cho biết có sự tương quan chéo giữa các biến trong mô hình hồi quy, và đây là điều kiện phát sinh phương sai sai số thay đổi và tự tương quan trong mô hình hồi quy đa biến. Để khắc phục ảnh hưởng của phương sai sai số thay đổi và tự tương quan, nghiên cứu sử dụng lần lượt các phương pháp ước lượng REM, FEM và GLS để lựa chọn kết quả phù hợp nhất; sử dụng độ trễ bậc 1 đối với các biến PCI và PAPI để loại bỏ ảnh hưởng tự tương quan bậc 1. Để đảm bảo cỡ mẫu cho ước lượng mô hình hồi quy, biến tỷ lệ lao động qua đào tạo được bỏ ra khỏi mô hình ước lượng.

4.2. Kết quả ước lượng hồi quy

Để phân tích ảnh hưởng của các yếu tố thể chế kinh tế đến thu hút vốn đầu tư vào vùng ĐBSCL, tác giả trước tiên sử dụng mô hình hồi quy các yếu tố theo phương pháp tác động ngẫu nhiên (REM) và hồi quy các yếu tố theo phương pháp tác động cố định (FEM) để đo lường ảnh hưởng của chỉ số PAPI, chỉ số PCI, vốn đầu tư công, GRDP, nguồn lao động đến số tổng số vốn đầu tư trên địa bàn. Sau đó, để xác định mô hình nào phù hợp hơn tác giả sử dụng kiểm định Hausman để lựa chọn mô hình tốt nhất. Kiểm định dấu hiệu

Bảng 3. Kết quả thống kê mô tả các biến phân tích tại vùng ĐBSCL

Tên biến	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Cao nhất	Thấp nhất	Skewness	Kurtosis
PAPI	40,765	3,614	47,050	33,200	-0,372	2,199*
PCI	63,970	3,659	72,814	56,356	0,343	2,213
ln(VON)	30,300	0,479	31,250	29,292	0,235	2,205**
ln(DTPT)	29,051	0,501	29,971	27,150	-1,012***	4,693**
ln(GRDP)	31,769	0,367	32,560	30,929	-0,094	2,369
ln(DS)	14,076	0,285	14,588	13,501	-0,191	2,183**
ln(LD)	13,513	0,293	13,936	12,884	-0,246	1,977***
% LĐĐT	13,341	3,149	24,200	8,200	1,359***	5,450***

Ghi chú: *, **, *** có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 10%, 5%, 1%.

Bảng 4. Kết quả phân tích tương quan giữa các biến nghiên cứu

	ln(VON)	PCI	PAPI	ln(DTPT)	ln(GRDP)	ln(DS)
PCI	0,101					
PAPI	0,201	0,619				
ln(DTPT)	0,501	0,558	0,521			
ln(GRDP)	0,570	0,421	0,293	0,755		
ln(DS)	0,247	0,207	0,002	0,462	0,785	
ln(LD)	0,288	0,269	0,014	0,419	0,773	0,964

phương sai sai số thay đổi bằng kiểm định Wald và hiện tượng tự tương quan với kiểm định Wooldridge để xác định, loại bỏ các nhiễu trong mô hình hồi quy, và dùng phương pháp ước lượng bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (FGLS) để khắc phục các ảnh hưởng này. Kết quả ước lượng từ các mô hình được trình bày chi tiết ở Bảng 5.

Kết quả kiểm định Hausman không có ý nghĩa cho biết kết quả của mô hình hồi quy REM là phù hợp hơn mô hình hồi quy FEM. Kết quả kiểm định Wald về phương sai sai số thay đổi có ý nghĩa ở mức 1%, cho biết có xuất hiện phương sai sai số thay đổi trong mô hình hồi quy. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy FGLS có xử lý phương sai sai số thay đổi để ước lượng ở giai đoạn tiếp theo. Kết quả ước lượng bằng mô hình hồi quy FGLS cho biết chỉ số PAPI và chỉ số PCI, GRDP có ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư tại ĐBSCL. Các yếu tố vốn đầu tư phát triển kinh tế địa phương, nguồn cung lao động không có ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trong vùng.

Bảng 5. Hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư tại ĐBSCL

ln(VON)	REM	FEM	GLS (h)
Hệ số a	-0,348	-21,074	2,927
PAPI _t	0,014	0,010	0,019 *
PAPI _{t-1}	-0,001	-0,006	0,004
PCI _t	-0,013	-0,004	-0,047 ***
PCI _{t-1}	-0,031 **	-0,035 *	-0,019
ln(DTPT)	0,440 ***	0,457 ***	0,225
ln(GRDP)	0,772 **	1,155 *	0,821 ***
ln(LD)	-0,326	0,272	-0,143
Số quan sát	65	65	65
Kiểm định mô hình:	42,8 ***	5,32 ***	81,39 ***
Kiểm định chọn MH	Hausman:	0,955	
	Wald:	1008***	

Ghi chú: *, **, *** có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 10%, 5% và 1%.

* *Thế chế quản trị*

Chỉ số PAPI có tác động cùng chiều đến thu hút

vốn đầu tư tại vùng ĐBSCL ở mức ý nghĩa 10%. Khi chỉ số PAPI được cải thiện 10 điểm sẽ làm gia tăng thu hút vốn đầu tư 0,19 đơn vị vốn đầu tư (lnVON); kết quả này sẽ làm tác động đáng kể đến tăng trưởng kinh tế của vùng ĐBSCL. Các yếu tố ưu đãi về chính sách, thể chế quản trị tại địa phương có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp. Thể chế quản trị có tác động đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh; ở những nơi thể chế quản trị, môi trường kinh doanh tốt thì có nhiều doanh nghiệp thành lập và kinh tế địa phương phát triển. Nguyễn Cao Chương và cộng sự (2024) kết luận các doanh nghiệp an tâm đầu tư vốn phát triển công nghệ, đổi mới sản xuất tại những địa phương có chỉ số PAPI cao. Kết quả nghiên cứu hoàn toàn ủng hộ kết luận nghiên cứu trên. Môi trường thể chế quản trị hành chính công có tác động cùng chiều đến thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp.

Cải thiện năng lực cạnh tranh trong thu hút vốn đầu tư của các địa phương thông qua chỉ số PCI là một trong những giải pháp được tiến hành tại Việt Nam từ năm 2005. Những địa phương có số doanh nghiệp ít, quy mô doanh nghiệp nhỏ dễ dàng thỏa mãn các cải cách, thay đổi nhỏ tại địa phương và dễ dàng đánh giá cao. Kết quả ước lượng hồi quy cho thấy chỉ số PCI có ảnh hưởng ngược chiều đến lượng vốn đầu tư tại vùng ĐBSCL. Kết quả này đồng nhất với nghiên cứu của Nguyễn Mạnh Cường và Hồ Văn Long (2016) là nhiều tỉnh thành ở vùng ĐBSCL có PCI cao nhưng thu hút vốn FDI thấp. Phân tích tác động của chỉ số PCI đến thu hút vốn đầu tư tại các tỉnh, thành Việt Nam, Nguyễn Mạnh Cường và Hồ Văn Long (2016) kết luận chỉ số PCI cao không đồng nghĩa với thu hút vốn đầu tư tốt. Đào tạo lao động, hỗ trợ doanh nghiệp và tính minh bạch là các yếu tố chính ảnh hưởng nhiều đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu hoàn toàn ủng hộ kết luận của Nguyễn Mạnh Cường và Hồ Văn Long (2016) là chỉ số PCI chưa phản ánh đầy đủ các chính sách thu hút vốn đầu tư tại vùng ĐBSCL. Do một vài tỉnh có thực hiện cơ chế ưu đãi đầu tư thì sẽ có tác dụng ít nhiều tại địa phương đó so với những địa phương khác trong thời gian ngắn, nhưng khi tất cả các tỉnh, thành phố cùng thực hiện các cơ chế ưu đãi đầu tư thì nhà đầu tư là người hưởng lợi nhưng có thu hút được lượng vốn đầu tư lớn vào vùng không thì chưa

từng được xem xét.

** Quy mô thị trường*

Yếu tố quy mô thị trường đóng một vai trò quan trọng trong thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp. Một thị trường có quy mô thu nhập cao và tiêu thụ hàng hóa tốt luôn hấp dẫn nhà đầu tư đầu tư vốn vào để sản xuất. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng GRDP có tương quan cùng chiều với lượng vốn đầu tư tại vùng ĐBSCL. Kết quả tương đồng với các nghiên cứu trước của Đặng Văn Cường (2021) là quy mô thị trường với biến đại diện là GRDP có tương quan thuận với dòng vốn đầu tư vào các địa phương. Các doanh nghiệp đầu tư luôn quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, và GRDP là một yếu tố quan trọng mà chính quyền địa phương cần quan tâm đến khi thu hút đầu tư vào địa phương. Sự tăng trưởng tổng thu nhập của địa phương liên quan chặt chẽ với số lượng doanh nghiệp đang hoạt động. Địa phương có quy mô GRDP lớn thường là nơi tập trung các điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường kinh doanh thuận lợi, thị trường lớn.

** Đầu tư công*

Kết quả mô hình hồi quy theo các yếu tố ảnh hưởng ngẫu nhiên (REM) cho biết vốn đầu tư phát triển kinh tế địa phương (đầu tư công) có tác động cùng chiều đến thu hút nguồn vốn đầu tư vào địa phương. Việc loại bỏ ảnh hưởng của phương sai sai số thay đổi đã làm cho biến vốn đầu tư phát triển kinh tế không còn ảnh hưởng có ý nghĩa. Theo Nguyễn Thị Cành và cộng sự (2018) nguồn vốn đầu tư công có tác động kích thích và thúc đẩy các nguồn vốn khác tham gia đầu tư vào sản xuất, phát triển kinh tế địa phương. Kết quả phân tích ảnh hưởng tương quan và hồi quy theo mô hình REM hoàn toàn ủng hộ các kết luận trên.

** Nguồn cung lao động*

Theo lý thuyết kinh tế tổng quát, lao động (L) và vốn (K) là hai yếu tố cơ bản cùng phối hợp, làm tăng sản lượng, thu nhập trên địa bàn. Lợi thế về nguồn nhân lực dồi dào là một yếu tố quan trọng trong lựa chọn địa điểm đầu tư theo lý thuyết chiết trung của Dunning (1977). Kết quả nghiên cứu cho biết nguồn cung lao động tại ĐBSCL không có ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư tại địa phương. Kết quả trên không đồng nhất với kết luận của Trần Văn Hòa và cộng sự (2021), Le & Duy (2021). Vùng đồng bằng sông Cửu Long sản xuất chủ yếu sản phẩm nông nghiệp, chế biến thực phẩm nên nguồn lao động tại chỗ dễ dàng đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp đầu tư. Chất lượng của nguồn lao động có ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của doanh nghiệp. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tại ĐBSCL thấp (13,34%) trong giai đoạn 2016 – 2021 là một yếu tố cản trở việc thu hút vốn đầu tư đến với địa phương. Theo mô hình OLI của Dunning chỉ ra lợi thế địa điểm đầu tư là một yếu tố rất quan trọng trong thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp vì cung cấp các lợi ích về tài nguyên, cơ sở hạ tầng, chi phí vật liệu đầu vào và chi phí nhân công thấp, chính sách ưu đãi

của chính quyền địa phương. Vì vậy, yếu tố kỹ năng trình độ của lao động, chi phí lao động tại ĐBSCL cần được cải thiện để làm tăng tính hấp dẫn đối với nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp.

Tóm lại, thể chế quản trị và năng lực điều hành quản lý nền kinh tế của các tỉnh-thành phố tại địa phương có tác động đến sự phát triển của doanh nghiệp trong vùng, vì vậy có ảnh hưởng đến sự thu hút nguồn vốn đầu tư. Tăng trưởng của thu nhập trong vùng có tác động tích cực, hấp dẫn các doanh nghiệp tham gia đầu tư vốn sản xuất, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Lợi thế nguồn lao động dồi dào, chi phí lao động thấp là một yếu tố vừa tạo ra ưu điểm để thu hút đầu tư, vừa là rào cản cho đầu tư vì chỉ thu hút các doanh nghiệp thâm dụng lao động, dòng vốn đầu tư ít, nên tạo ra tỷ lệ tăng trưởng của thu nhập trên địa bàn thấp.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Dựa trên kết quả phân tích từ dữ liệu, nghiên cứu tìm thấy sự tác động có ý nghĩa của chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tổng thu nhập tại địa phương (GRDP) đến thu hút vốn đầu tư vào ĐBSCL. Cụ thể là:

Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công có tác động tích cực đến thu hút vốn đầu tư vào vùng ĐBSCL. Đây là kết quả đầu tiên tìm thấy sự liên hệ giữa thể chế quản trị công và đầu tư tại địa phương. Việc cải thiện chỉ số PAPI theo thời gian cần được thực hiện liên tục để nhận được sự ủng hộ của các nhà đầu tư trong việc thu hút vốn.

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có tác động ngược chiều đến thu hút vốn đầu tư vào địa phương. Một số chỉ tiêu quan trọng trong bộ chỉ số như là tính minh bạch và tiếp cận thông tin, cạnh tranh bình đẳng, hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo lao động cần được quan tâm cải thiện để phản ánh đúng xếp hạng môi trường kinh doanh của địa phương và thu hút nguồn vốn đầu tư.

Tổng thu nhập tại địa phương: Tổng thu nhập tại địa phương có tác động tích cực đến việc thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp. Cải thiện tổng thu nhập trên địa bàn là giải pháp là tài chính cơ bản để tích lũy đầu tư trong xã hội. Vì vậy, các tỉnh-thành phố cần có các giải pháp kinh tế – kỹ thuật để cải thiện thu nhập trên địa bàn nhằm kích thích nhà đầu tư bỏ vốn sản xuất tại địa phương.

5.2. Hàm ý chính sách đề xuất

Từ kết quả phân tích dữ liệu, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp và khuyến nghị để thu hút nguồn vốn đầu tư vào địa phương. Hiệu quả của cải thiện thể chế quản trị cấp tỉnh có tác dụng định hình nên các hình

thức kinh tế, phát triển các loại hình doanh nghiệp; vì vậy cải thiện chất lượng thể chế quản trị sẽ tạo điều kiện cho các nguồn lực kinh tế tư nhân phát triển. Một số giải pháp thúc đẩy nguồn lực của kinh tế tư nhân vùng ĐBSCL thông qua thể chế quản trị:

- Cải cách thể chế quản trị cấp tỉnh nhằm tăng thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào ĐBSCL trong bối cảnh cạnh tranh đầu tư.

- Hoàn thiện thể chế quản trị theo chiều sâu gắn với tiến trình hội nhập kinh tế thế giới, phù hợp thông lệ quốc tế. Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bộ máy quản lý nhà nước để thực hiện quản lý, hoạch định, thực thi hiệu quả các chính sách kinh tế tốt hơn.

- Vai trò quản lý của nhà nước về hoạt động kinh tế thể hiện qua tạo lập môi trường kinh doanh ổn định, bình đẳng, minh bạch cho các thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư nhân để giải phóng các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế.

Cụ thể là:

+ Cải thiện thể chế quản trị, năng lực quản trị của bộ máy quản lý nhà nước, trình độ quản trị của địa phương thông qua cải thiện chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

+ Tạo lập môi trường đầu tư bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực sản xuất, công bằng trong đối xử, và minh bạch trong đầu tư sản xuất – kinh doanh.

+ Tăng tính chắc chắn của pháp luật trong đầu tư để bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp khi đầu tư vốn vào các địa phương tạo ra môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh và thu hút nhiều nhà đầu tư đến địa phương hơn.

+ Cải thiện tổng thu nhập tại địa phương, vì đây là yếu tố thị trường quan trọng để thu hút đầu tư vào địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh N.T.N. (2016). Regional Determinants of FDI Location in Vietnam. *Journal of Economics and Development*, 18(1), 19 – 37.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác – Lênin*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật. ISBN: 978-604-57-6588-3.
- Chu Thị Mai Phương, Từ Thúy Anh & Phạm Thế Anh (2016). Vai trò của thể chế đối với đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2014 - 2016. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 460, 53 – 63.
- Đặng Văn Cường (2021). Các yếu tố vĩ mô tác động đến thu hút dòng vốn FDI tại tỉnh Bình Dương. *Tạp chí Khoa học Kinh tế*, 9(2), 1 – 11.
- Dunning J. H. (1977). *Trade, locatinon and economic activity and the multi-national enterprise: a search for a eclectic approach*. London: Macmillan.
- Faruq, A. T. M. O. (2023). The Determinants of Foreign Direct Investment (FDI): A Panel Data Analysis for the Emerging Asian Economies. *European Journal of Business and Management*, 8(6), 35-43.
- Hồ Thủy Tiên (2023). Tác động của đầu tư công và đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. *Tạp chí Tài chính*, 794 & 795, 33 – 37.
- Huỳnh Thị Diệu Linh (2022). Chất lượng thể chế và lựa chọn địa điểm đầu tư của các doanh nghiệp đa quốc gia – Bằng chứng tại Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế và kinh doanh Châu Á*, 9, 36 – 50.
- Krugman, P. (1991). Increasing returns and economic geography. *Journal of Political Economy*, 99 (3), 483 – 499.
- Le N.P & Duy L.V. (2021). Effect of provincial competitiveness index on enterprise attraction in the Central Highlands, Vietnam. *PLoS ONE*, 16(9), 1 – 16. DOI: <https://doi.org/10.1371/journal.pon0256525>.
- Lê Thị Thu Diễm & Cảnh Chí Hoàng (2023). Tác động của chỉ số năng lực cạnh tranh lên thu hút doanh nghiệp: Nghiên cứu trường hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn 2006 – 2020. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 309, 53 – 63.
- Nguyễn Cao Chương, Nguyễn Thu Hà & Nguyễn Thị Thu Hương (2024). Tác động của chỉ số PAPI và PCI đến phát triển kinh tế địa phương. *Tạp chí Tài chính*, 829, 164 – 168.
- Nguyễn Mạnh Cường & Hồ Văn Long (2016). Ảnh hưởng của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các tỉnh thành Việt Nam giai đoạn 2012 – 2016. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 37, 3 – 11.
- Nguyễn Ngọc Anh (2015). Yếu tố ảnh hưởng đến đến ý định của nhà đầu tư nước ngoài tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. *Tạp chí Khoa Học và Công Nghệ Đại học Đà Nẵng*, 4(89), 83 – 86.
- Nguyễn Quốc Việt, Chu Thị Nhường, Trần T. Giáng Huỳnh & Phạm Thị Hiền (2014). Đánh giá tác động của chất lượng thể chế cấp tỉnh tới khả năng thu hút FDI vào các địa phương tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh*, 30(1), 53 – 62.
- Nguyễn Thị Cảnh, Nguyễn Thanh Liêm & Nguyễn Thị Thùy Liên (2018). Tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học ĐH Mở TP HCM*, 13(2), 91 – 105.
- Parasuraman, A., Zeithaml, V. A., & Berry, L. L. (1988). SERVQUAL: A multiple item scale for measuring consumer perception of service quality. *Journal of Retailing*, 64(1), 12–37.
- Phạm Thế Anh & Chu Thị Mai Phương (2015). Tác động của môi trường thể chế đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 215, 20 – 32.
- Trần Cương & Phạm Duy Anh (2021). Tác động của hiệu quả quản trị nhà nước đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các quốc gia Đông Nam Á. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 57 (5D), 281 – 291.
- Trần Văn Hòa, Phạm Xuân Hùng, Nguyễn Mạnh Hùng &

Trần Thị Nhật Anh (2021). Đánh giá môi trường đầu tư tại các khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế bằng phương pháp phân tích tầm quan trọng và mức độ đáp ứng. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, 130(5C), 21 – 38.

Zaric, S. (2022). Determinants of foreign direct investment in Central and Eastern Europe: panel data analysis results. *The Annals of the Faculty of Economics in Subotica*, 58(48), 35 – 49.

Affecting of Provincial Institutions on Investment Capital in Mekong Delta in Vietnam

Le Xuan Thai
Can Tho University, Vietnam

Abstract

The institutions play a major role to create economic activities changes, to create a favorable environment in investment, to attract capital flows for investing economy development in the time of economic recovery. This research foccus on the effects of provincial institutions through PAPI and PCI on attracting investment capital of enterprises in the Mekong Delta. The data is collected from reports of the GSO and the VCCI of Vietnam from 2016 to 2021. The results of the feasible generalized least squares (FGLS) regression concluded that PAPI and gross regional domestic product (GRDP) have positive impacts on investment capital; while PCI has the opposite impact. Investment of public capital and labor supply have no effect on investment capital.

Keywords: Institutions, PAPI, PCI, Investment capital, GRDP.